

Số: 27/2025/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 11 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn”.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Minh Tân.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 129/2025/TB-TA ngày 14 tháng 3 năm 2025, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 172/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1997; Địa chỉ cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại Nhật Bản. Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Đức T1**, sinh năm 1990; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được chị T, anh T1 ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Bản tự khai của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T1 cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 21/10/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Năm 2019 chị T đi lao động tại Nhật Bản, đầu năm 2025 anh T1 đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, do không còn tình cảm nên mỗi lần liên lạc lại xảy ra cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, hai bên gia đình cũng đã động viên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị T và anh T1 cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo A sinh ngày 27/01/2015 và Nguyễn Nhật A1, sinh ngày 03/3/2017, hiện các con đang ở với bà Nguyễn Thị T2. Chị T và anh T1 cùng thống nhất giao các con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam, anh chị thống nhất giao các con cho bà T2 chăm sóc cho đến khi chị T về nước.

Về tài sản chung: Chị T, anh T1 cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị T tự nguyện chịu cả lệ phí theo quy định của pháp luật.

Các con chung là Nguyễn Bảo A và Nguyễn Nhật A1 đều có nguyện vọng được ở với chị T và bà T2.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T, anh T1 trong việc giao nhận văn bản tố tụng, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2 khai: Bà thay anh T1, chị T giao, nhận các tài liệu tại Tòa án. Bà T2 nhất trí nhận ủy quyền của chị T, anh T1, nhất trí việc chăm sóc con chung của chị T, anh T1 trong thời gian chị T ở nước ngoài. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà T2 đã thông báo cho chị T và anh T1 biết; chị T, anh T1 vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên họp các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T1. Giao các con chung Nguyễn Bảo A sinh ngày

27/01/2015 và Nguyễn Nhật A1, sinh ngày 03/3/2017 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên, anh T1 chị T tự thống nhất thỏa thuận về việc cấp dưỡng cho con nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Tạm giao cháu Nguyễn Bảo A và cháu Nguyễn Nhật A1 cho bà T2 chăm sóc trong thời gian chị T ở nước ngoài. Chị T tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T1 có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Chị T đang sinh sống tại Nhật Bản, anh T1 đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong thời gian nghỉ phép chị T đã làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, các tài liệu của chị T đã được phòng C tỉnh Hải Dương chứng thực chữ ký. Anh T1 không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn yêu cầu ly hôn, bản tự khai đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, các tài liệu của anh T1 chưa được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay của anh T1 đối với các tài liệu này. Kết quả giám định cho thấy, dấu vân tay in trong các tài liệu trên so với dấu vân tay in trong căn cước công dân số 030090007391 của anh T1 là của cùng một người. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà chị T, anh T1 giao nộp là ý chí, nguyện vọng của anh, chị. Do các đương sự đều đề nghị xin được vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 21/10/2014 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019 chị T đi lao động tại Nhật Bản, đầu năm 2025 anh T1 đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Do có mâu thuẫn từ trước nên mỗi lần anh chị liên lạc với nhau đều xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm. Anh chị sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T và anh T1 cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và anh T1 theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn

nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 thống nhất giao các con chung cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Con chung của chị T và anh T1 là cháu Nguyễn Bảo A và cháu Nguyễn Nhật A1 đều có nguyện vọng được ở với chị T và bà T2. Trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam anh chị thống nhất tạm giao các con cho bà T2 chăm sóc cho đến khi chị T về nước. Về cấp dưỡng cho con: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chị T tự nguyện chịu cả tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Thu T** và anh **Nguyễn Đức T1**.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T1, giao các con chung Nguyễn Bảo A sinh ngày 27/01/2015 và Nguyễn Nhật A1, sinh ngày 03/3/2017 cho chị Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Chị T, anh T1 tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đức T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị T2 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị T, anh T1 là Nguyễn Bảo A sinh ngày 27/01/2015 và Nguyễn Nhật A1, sinh ngày 03/3/2017 trong thời gian chị T ở nước ngoài.

3. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chịu cả 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001731 ngày

14/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do bà Nguyễn Thị T2 nộp thay).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Tân